

Bản án số: **172** /2024/DS-ST

Ngày: 22 - 10 – 2024.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Minh Chiến

Ông Trương Văn Săng

- Thư ký phiên Tòa: Ông Đặng Huỳnh Khánh Duy – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoàng Quý - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 10 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2024/TLST – DS ngày 05 tháng 06 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 269/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 202/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 09 năm 2024, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* **Ngân hàng T.**

Địa chỉ: 2, N, phường V, quận C, Tp ..

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch D- Chức vụ Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc K, chức vụ : Chuyên viên khách hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần T - Chi nhánh B - Phòng G. Theo văn bản ủy quyền số 83/2024/UQ-PGDBĐ ngày 19/8/2024

2/ Bị đơn: **Bà Lê Thị Hồng L**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 21/05/2024, bản tự khai ngày 06/9/2024 và trong quá trình xét xử, người đại diện của ngân hàng TMCP T trình bày:*

Bà Lê Thị Hồng L có ký hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP T - CN Bến Tre - P (S), cụ thể như sau:

Khoản vay theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1444850 ngày 15/03/2020 của S với bà Lê Thị Hồng L: Ngày 05/03/2020 bên vay là bà Lê Thị Hồng L có đề nghị với Ngân hàng TMCP T - CN Bến Tre - P cấp thẻ tín dụng. Qua xác minh thực tế nhu cầu sử dụng và tình hình tài chính, thu nhập của khách hàng, Ngân hàng TMCP T - CN Bến Tre - P đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Lê Thị Hồng L theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng hợp đồng số 1444850 ngày 15/03/2020. Loại thẻ tín dụng JCB hạn mức tín dụng được cấp là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), mục đích tiêu dùng, lãi suất: 31.2%/năm (lãi suất đã được điều chỉnh so với thời điểm ký hợp đồng). Thời hạn sử dụng thẻ là 03 năm và thẻ tự động gia hạn thời gian sử dụng. Hàng tháng khách hàng phải thanh toán 5% dư nợ đầu kỳ (chốt dư nợ đầu kỳ ngày 05 tây hàng tháng), Ngân hàng sẽ cho khách hàng 25 ngày để thanh toán (ngày 30 hàng tháng). Nếu khách hàng phát sinh trễ hạn sẽ bị thu phí phạt bằng 6% (tối thiểu 80.000) số tiền thanh toán tối thiểu của kỳ đó. Nếu khách hàng không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ số tiền thanh toán tối thiểu sau 02 kỳ chốt thông báo giao dịch cộng 10 ngày thẻ sẽ chuyển sang nợ nhóm 2.

Từ thời điểm chuyển nhóm 2 nếu khách hàng không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu của 2 kỳ chốt giao dịch sau thời gian 90 ngày thẻ sẽ chuyển nợ nhóm 3 và chốt toàn bộ dư nợ thành vốn gốc, lãi phát sinh sau khi chuyển nhóm 3 sẽ bằng 150% lãi trong hạn.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng JCB, bà Lê Thị Hồng L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 32.620.520 đồng (Ba mươi hai triệu sáu trăm hai mươi nghìn năm trăm hai mươi đồng đồng). Trong quá trình thanh toán hợp đồng từ ngày 22/03/2020 ngày 22/07/2023 bà Lê Thị Hồng L thanh toán tổng cộng 38.328.607 đồng (Ba mươi tám triệu ba trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm lẻ bảy đồng).

Tuy nhiên từ ngày 22/08/2023 bà Lê Thị Hồng L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Khi không thanh toán đủ số tín tối thiểu hàng tháng là 5% để duy trì sử dụng thẻ dẫn đến thẻ bị quá hạn. Thẻ tín dụng JCB hiện đang bị quá hạn nhóm 4. Dư nợ hiện tại tính đến ngày 22/10/2024 là 52.645.071 đồng (Năm mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi một đồng), trong đó:

- Vốn: 34.015.647 đồng
- Lãi: 18.629.424 đồng

Do không thực hiện đúng theo cam kết hợp đồng khi không thanh toán phần vốn lãi cho Ngân hàng nên toàn bộ khoản nợ của khoản vay trên của khách hàng đã chuyển sang quá hạn. Căn cứ vào Phụ lục các điều khoản chung trong Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng thì bà Lê Thị Hồng L đã vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng đình chỉ các hợp đồng tín dụng nêu trên. Căn cứ Điều 24 Phụ lục Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng nên Ngân hàng đình chỉ hợp đồng nêu trên. Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, Ngân Hàng TMCP T yêu cầu buộc cá nhân bà Lê Thị Hồng L phải trả 01 (một) lần cho Ngân Hàng TMCP T (do Ngân Hàng TMCP T - CN Bến Tre - P nhận thay) toàn bộ số tiền nợ của thẻ tín dụng nêu trên tính đến ngày 22/10/2024 là 52.645.071 đồng (Năm mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi một đồng) trong đó tiền vốn vay là 34.015.647 đồng, tiền lãi suất là 18.629.424 đồng, và Ngân hàng tiếp tục tính lãi của thẻ tín dụng trên từ ngày 07/09/2024 đến khi bà Lê Thị Hồng L trả hết nợ cho Ngân hàng. Bà Lê Thị Hồng L phải chịu toàn bộ án phí phát sinh.

* Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến lần thứ hai cho bị đơn bà Lê Thị Hồng L nhưng bà Lê Thị Hồng L vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được lời khai của bà Lê Thị Hồng L.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Đối với Thẩm phán tuân thủ đúng Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thu thập chứng cứ thì Thẩm phán có tiến hành thu thập theo quy định. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự theo quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với vi phạm của Thẩm phán không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử khắc phục trong thời gian tới.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 306 Luật thương mại, Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 91, 92, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thương mại cổ phần T đối với bà Lê Thị Hồng L về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc bà Lê Thị Hồng L phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền tính đến ngày 22/10/2024 là 52.645.071 đồng (Năm mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn không trăm

bảy mươi một đồng) trong đó tiền vốn vay là 34.015.647 đồng, tiền lãi suất là 18.629.424 đồng. Bà Lê Thị Hồng L còn phải trả lãi suất tiếp theo kể từ ngày 23/10/2024 theo mức lãi suất tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1444850 ngày 15/03/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn cư trú tại thị trấn B, huyện B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại theo Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Lê Thị Hồng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị Hồng L là đúng theo quy định tại điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về địa chỉ, nơi cư trú bị đơn:* Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1444850 ngày 15/03/2020 có ghi địa chỉ của bà Lê Thị Hồng L là khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 bộ luật tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án thì trường hợp này được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu của ngân hàng thương mại cổ phần T đối với bà Lê Thị Hồng L về số tiền 52.645.071 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy giữa ngân hàng T và bà Lê Thị Hồng L có ký kết giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1444850 ngày 15/03/2020 với ngân hàng thương mại cổ phần T hạn mức là 30.000.000 đồng. Phía ngân hàng đã thực hiện đúng theo thỏa thuận trong các điều khoản của hợp đồng nhưng bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ hiện còn nợ tiền đến ngày 22/10/2024 là 52.645.071 đồng (Năm mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi một đồng) trong đó tiền vốn vay là 34.015.647 đồng, tiền lãi suất là 18.629.424 đồng. Quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo các chứng cứ nêu trên cho bị đơn bà Lê Thị Hồng L nhưng bà L không có ý kiến gì cũng không tham gia tố tụng điều đó chứng tỏ bà L đã từ bỏ quyền bác bỏ yêu cầu của người khác đối với mình theo quy định tại khoản 3 Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự; đồng thời

bà L không phản đối những tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng cung cấp nên đây cũng là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thương mại cổ phần T đối với bà Lê Thị Hồng L. Cụ thể, buộc bà Lê Thị Hồng L phải trả cho Ngân hàng hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền là 52.645.071 đồng (Năm mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi một đồng) trong đó tiền vốn vay là 34.015.647 đồng (Ba mươi bốn triệu không trăm mười lăm nghìn sáu trăm bốn mươi bảy đồng), tiền lãi suất là 18.629.424 đồng (Mười tám triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi bốn đồng).

[4] Về lãi suất: Bà Lê Thị Hồng L còn phải trả lãi suất tiếp theo kể từ ngày 23/10/2024 theo mức lãi suất trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1444850 ngày 15/03/2020 cho đến khi hoàn tất nợ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thương mại cổ phần T được chấp nhận toàn bộ nên bà Lê Thị Hồng L phải liên đới chịu án phí của số tiền: 52.645.071 đồng $\times$ 5% = 2.632.000 đồng (Hai triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền tạm ứng án phí án phí đã nộp là 1.120.894 đồng (Một triệu một trăm hai mươi nghìn tám trăm chín mươi bốn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001839 ngày 30/05/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 306 Luật thương mại, Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ngân hàng thương mại cổ phần T đối với bà Lê Thị Hồng L về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Lê Thị Hồng L phải trả cho ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền tính đến ngày 22/10/2024 là 52.645.071 đồng (Năm mươi hai triệu sáu trăm

bốn mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi một đồng) trong đó tiền vốn vay là 34.015.647 đồng (Ba mươi bốn triệu không trăm mười lăm nghìn sáu trăm bốn mươi bảy đồng), tiền lãi suất là 18.629.424 đồng (Mười tám triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi bốn đồng).

2. Bà Lê Thị Hồng L còn phải trả lãi suất tiếp theo kể từ ngày 23/10/2024 theo mức lãi suất trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1444850 ngày 15/03/2020 cho đến khi hoàn tất nợ.

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Lê Thị Hồng L phải chịu là 2.632.000 đồng (Hai triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền tạm ứng án phí án phí đã nộp là 1.120.894 đồng (Một triệu một trăm hai mươi nghìn tám trăm chín mươi bốn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001839 ngày 30/05/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần T, bị đơn bà Lê Thị Hồng L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Thu Hương